

Bản án số: 110/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1006/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2022 về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần T, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: **tổ 8, ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai**; đăng ký tạm trú: **Căn , chung cư , phường H, thành phố D, tỉnh Bình Dương**.

Bị đơn: **Ông Nguyễn V**, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú: **Ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai**; đăng ký tạm trú: **Nhà trọ N, tổ , khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Bình Dương**.

Bà T và ông V đều vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 10/10/2022, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Bà Trần T trình bày:

Bà **T** và ông **V** là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai vào ngày 22/6/2006. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian khoảng một năm trở lại đây, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà **T** và ông **V** không còn sống chung khoảng 02 tháng nay. Bà **T** nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân. Do đó, bà **T** yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **V**.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông **V** có 03 con chung là các cháu Nguyễn Thị Tú Trinh, sinh ngày 07/8/2008, Nguyễn Trần Phương Trang, sinh ngày 09/10/2011 và Nguyễn Gia Hân, sinh ngày 30/9/2016. Bà **T** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung.

Về cấp dưỡng: Yêu cầu ông **V** cấp dưỡng nuôi các con chung Nguyễn Thị Tú Trinh, Nguyễn Trần Phương Trang, Nguyễn Gia Hân mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà **T** không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2022 bị đơn Ông Nguyễn V trình bày:

Ông **V** thống nhất với lời trình bày của bà **T** về quan hệ hôn nhân, con chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo ông **V**, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ngoài ra ông **V** hay ghen tuông vô cớ nên nhiều lần nóng tính chửi bới vợ. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng 02 tháng nay, bà **T** dọn ra ở trọ một mình. Do ông **V** còn tình cảm với bà **T** và sợ việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý con cái nên ông **V** không đồng ý ly hôn với bà **T**.

Về con chung: Ông **V** và bà **T** có 03 con chung tên Nguyễn Thị Tú Trinh, sinh ngày 07/8/2008, Nguyễn Trần Phương Trang, sinh ngày 09/10/2011 và Nguyễn Gia Hân, sinh ngày 30/9/2016. Các cháu Nguyễn Thị Tú Trinh và Nguyễn Trần Phương Trang có nguyện vọng sống cùng với ai thì giao cho người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Gia Hân, sinh ngày 30/9/2016 ông **V** đồng ý giao cho bà **T** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông **V** đồng ý cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông V không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, đồng thời không ai có văn bản trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới tại phiên tòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68, 85 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến 98 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện Kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự; Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Thư ký tuân theo các Điều 51 và Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Bà T nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông V. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông V. Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Tú Trinh, sinh ngày 07/8/2008, cháu Nguyễn Trần Phương Trang, sinh ngày 09/10/2011 và Nguyễn Gia Hân, sinh ngày 30/9/2016, hiện tại các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha, mẹ ly hôn. Do đó, để không làm thay đổi tâm sinh lý của 03 cháu nên giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T. Về cấp dưỡng: Bà T có yêu cầu ông V cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng của bà T là có cơ sở. Căn cứ Điều 107, 110, 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của bà T. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung: Bà **T** và ông **V** là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, hôn nhân giữa **T** và ông **V** là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, trong quá trình tham gia tố tụng, giữa nguyên đơn và bị đơn đều trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, bản thân ông **V** thường xuyên ghen tuông vô cớ nên nhiều lần nóng tính chửi bới bà **T**. Hiện bà **T** đã ra ngoài sống một mình được khoảng 02 tháng nay. Tuy nhiên, ông **V** cho rằng hiện ông còn tình cảm với bà **T** và sợ việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý con cái nên ông **V** không đồng ý ly hôn với bà **T**.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn hôn nhân giữa bà **T** và ông **V** đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên việc bà **T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **V** là có căn cứ chấp nhận. Do đó, xét thấy cần chấp nhận cho bà **T** được ly hôn với ông **V** để sớm ổn định cuộc sống giữa hai bên theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Đối với các cháu Nguyễn Thị Tú Trinh, sinh ngày 07/8/2008 và Nguyễn Trần Phương Trang, sinh ngày 09/10/2011, hiện nay các cháu đã trên 07 tuổi. Tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên, cháu Trinh và cháu Trang đều có nguyện vọng là được sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Ông **V** đồng ý giao cháu Nguyễn Gia Hân, sinh ngày 30/9/2016 cho bà **T** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Bà **T** hiện nay có công việc làm ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Xem xét đến nguyện vọng và để đảm bảo sự phát triển ổn định về tâm, sinh lý của các cháu thì cần giao cháu Nguyễn Thị Tú Trinh, Nguyễn Trần Phương Trang và Nguyễn Gia Hân cho bà **T** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Bà **T** yêu cầu ông **V** cấp dưỡng nuôi các con chung Nguyễn Thị Tú Trinh, sinh ngày 07/8/2008, Nguyễn Trần Phương Trang, sinh ngày 09/10/2011 và Nguyễn Gia Hân, sinh ngày ngày 30/9/2016 mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, ông **V** có thu nhập ổn định, có khả năng thực tế để thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con, và ngoài ra ông **V** phải có nghĩa vụ phải thực hiện cấp dưỡng cho con chưa thành niên khi không sống chung với con. Căn cứ Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của bà T, cần buộc ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 28, 35 và 39; Điều 228; Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần T đối với bị đơn **Ông Nguyễn V** về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Trần T được ly hôn với **Ông Nguyễn V**.

- Về con chung: Giao các con chung tên Nguyễn Thị Tú Trinh, sinh ngày 07/8/2008, Nguyễn Trần Phương Trang, sinh ngày 09/10/2011 và Nguyễn Gia Hân, sinh ngày 30/9/2016 cho Bà Trần T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông Nguyễn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Thị Tú Trinh, sinh ngày 07/8/2008, Nguyễn Trần Phương Trang, sinh ngày 09/10/2011 và Nguyễn Gia Hân, sinh ngày 30/9/2016 mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và Bà Trần T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu **Ông Nguyễn V** chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng ông V còn phải thanh toán cho bà T số tiền lãi bằng mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông Nguyễn V có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Trần T và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông **V** trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

+ Bà Trần T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0001158 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương. Bà **T** đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ **Ông Nguyễn V** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THA dân sự thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Thảo

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Thảo

